

Bản án số: 08/2020/HNGĐ- ST

Ngày 11/9/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN huyện V B, TỈNH LÀO CAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Ngọc Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Thu

2. Bà Lý Thị Ngân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V B, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện V B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát V.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V B, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm- Hôn nhân và gia đình thụ lý số 72/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị La Thị V - Sinh năm 1988.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 1 M T, xã M L, huyện V B, tỉnh L C.

Chỗ ở hiện tại: Thôn 1 M C, xã M L, huyện V B, tỉnh L C. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Sầm Văn C - Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn 1 M T, xã M L, huyện V B, tỉnh L C. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Ông Vương Quốc A.

Địa chỉ: Thôn 1 M T, xã M L, huyện V B, tỉnh L C. Vắng mặt.

2. Ông Hoàng Minh Nh.

Địa chỉ: Thôn 1 M C, xã M L, huyện V B, tỉnh L C. Vắng mặt.

3. Ông Lý Văn T.

Địa chỉ: UBND xã M L, huyện V B, tỉnh L C. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị La Thị V trình bày: Chị và anh Sầm Văn C có tìm hiểu và tự nguyện về chung sống với nhau từ cuối năm 2011. Sau đó có tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M L, huyện V B

vào ngày 18/6/2012. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C nghiện ma túy đã nhiều lần đánh đập chị, mâu thuẫn trầm trọng nhất ngày 18/01/2019 anh C cầm dao kề vào cổ chị để lấy tiền đi mua ma túy, chị không đưa anh C đánh chị thậm tệ. Sau đó chị bỏ về nhà bố mẹ để sống tại thôn 1 M C sống từ đó đến nay. Chị và anh C sống ly thân nhau không ai quan tâm tới ai. Mâu thuẫn của đã được gia đình, anh em khuyên giải nhưng không có kết quả. Nay chị V nhận thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sầm Văn C.

Về con: Chị không có con riêng, bản thân chị hiện nay không mang thai. Trong thời gian chung sống Chị và anh Sầm Văn C có với nhau 01 con chung là cháu Sầm Thị Linh C, sinh ngày 06/6/2012. Hiện nay cháu C đang sống cùng chị. Khi ly hôn nguyện vọng của chị là được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C tới tuổi trưởng thành chị không đề nghị anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Không có tài sản không đề nghị tòa án giải quyết; Chị V xác nhận trong thời gian chung sống chị và anh C không vay ai tài sản gì và cũng không cho ai vay tài sản nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Sầm Văn C trình bày và đề nghị: Anh và chị V về chung sống với nhau từ năm 2011, sau đó có đăng ký kết hôn và chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn, đầu năm 2020 chị V bỏ đi đến nay không về, anh chị sống ly thân nhau, xong anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn anh không nhất trí ly hôn.

Về con: Trong thời gian chung sống anh và chị V có với nhau 01 con chung là cháu Sầm Thị Linh C, sinh ngày 06/6/2012. Hiện nay cháu C đang sống cùng chị V. Nếu trường hợp nhất quyết phải ly hôn anh nhất trí giao cháu C cho chị V nuôi dưỡng đến khi cháu 18 tuổi, anh không phải cấp dưỡng.

Về tài sản: Không có tài sản không đề nghị tòa án giải quyết; Anh C xác nhận trong thời gian chung sống anh và chị không vay ai tài sản gì và cũng không cho ai vay tài sản nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các loại văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định.

Những người làm chứng và xác minh tại C quyền địa phương đều xác nhận: Chị La Thị V và anh Sầm Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 6 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã M L, huyện V B, tỉnh L C. Vợ, chồng chung sống đến cuối năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, đỉnh điểm là ngày 18 tháng 01 năm 2019 thì sống ly thân đến nay. Chị V và anh C có 01 con chung, hiện đang ở cùng chị V. Về mâu thuẫn của chị V và anh C là có và hiện nay chị V và anh C đang sống ly thân không ai quan tâm tới ai.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

1/ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

- Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập vắng mặt không có lý do là vi phạm quy định khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Các Điều 227; 228; 229; 238 Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị La Thị V. Xử chị La Thị V được ly hôn với anh Sầm Văn C.

- Về con chung: Chị La Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sầm Thị Linh C, sinh ngày 06/6/2012 đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Sầm Văn C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Chị La Thị V phải chịu án phí sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra, xem xét đầy đủ toàn diện tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả quá trình tranh luận tại phiên tòa, đối Cếu với các tài liệu, yêu cầu của nguyên đơn, quyền từ chối cung cấp chứng cứ của bị đơn và kết quả xác minh các tài liệu dùng làm căn cứ mà Tòa án thu thập được trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về áp dụng pháp luật: Nguyên đơn chị La Thị V đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh Sầm Văn C thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 xong vẫn vắng mặt. Người làm chứng vắng mặt đã có lời khai tại hồ sơ. Căn cứ Điều 228, Điều 229, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và người làm chứng.

{2} Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị V và anh Sầm Văn C có đăng ký kết hôn tại UBND xã M L, huyện V B, tỉnh L C trên cơ sở tự nguyện. Xét quan hệ hôn nhân của chị V và anh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị V phát hiện anh C chơi bời, nghiện chất ma túy, chị đã khuyên giải anh C đi cai nghiện nhưng anh C không thay đổi. Thậm chí còn kè dao vào cổ chị để ép chị V đưa tiền đi mua ma túy. Tháng 1/2019 chị V bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống tại Thôn 1 M C, xã Minh Lương, huyện V B sống từ đó đến nay, chị và anh C sống ly thân nhau không ai quan tâm tới ai, hàng xóm và C quyền địa phương và bản thân đương sự xác định: Chị V và anh C hiện nay không chung sống với nhau là đúng, sự việc anh chị mâu thuẫn đã được 2 bên gia đình và anh em bạn bè khuyên giải nhưng không có kết quả. Từ khi hai vợ chồng chị sống riêng thì không ai còn quan tâm đến ai;

Anh Sầm Văn C mong muốn đoàn tụ gia đình, tuy nhiên khi Tòa án yêu cầu cung cấp chứng cứ, thì không cung cấp được, bản thân anh cũng thừa nhận vợ chồng sống ly thân nhau không quan tâm tới nhau từ đầu năm 2020. Xét thấy cuộc hôn nhân của chị V và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cần xử cho chị V ly hôn anh C là phù hợp.

{3} Về con chung: Chị V có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Sầm Thị Linh C, sinh ngày 06/6/2012 chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C đề nghị nếu trong trường hợp chị V nhất quyết ly hôn anh đề nghị giao cháu C cho chị V nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của chị V là C đáng và tại đơn đề nghị nguyện vọng của cháu C cũng có nguyện vọng ở với chị V. Hiện tại cháu đang sống cùng chị V. Về điều kiện đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng cho cháu C phát triển thì thấy rằng chị V có nghề nghiệp, thu nhập ổn định 4.500.000đ, hiện chị V đang sống cùng bố mẹ đẻ tại Thôn 1 M C, xã M L, huyện V B, tỉnh L C. Anh C nghề nghiệp làm ruộng và không có thu nhập ổn định, anh cũng nhất trí giao cháu C cho chị V trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu C cho chị V tiếp tục, trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị V không đề nghị anh C cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

{4} Về tài sản và vay nợ: Chị V và anh C đều xác nhận không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

{5} Về án phí: Chị V nhận chịu toàn bộ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 228; Điều 229; Điều 238; Khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị La Thị V.

{1} Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị V được ly hôn anh Sầm Văn C.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Sầm Thị Linh C, sinh ngày 06/6/2012 cho nguyên đơn chị La Thị V trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Sầm Thị Linh C trưởng thành đủ 18 tuổi. Bị đơn anh Sầm Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Sầm Thị Linh C.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành V gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về án phí: Nguyên đơn chị La Thị V phải chịu toàn bộ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2012/0007092 ngày 10/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự huyện V B. Chị La Thị V đã nộp đủ tiền án phí.

Bị đơn anh Sầm Văn C không phải chịu án phí sơ thẩm

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Án xét xử công khai sơ thẩm.

***Nơi nhận:***

- *Tòa án nhân dân tỉnh;*
- *VKSND tỉnh;*
- *VKSND huyện;*
- *Sở tư pháp;*
- *UBND xã Minh Lương;*
- *C cục THADS;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, LĐ, TP, VP.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vương Ngọc Long**

**THÀNH V HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Thị Ngân    Vương Thị Thu**

**Vương Ngọc Long**

